TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-5-2024.
V/v: Ly hôn giữa chị H và anh L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Lò Văn Khẹt.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 03/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị QTH, sinh năm 1998.

Trú tại: Bản L, xã HL, thành phố SL, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh TVL, sinh năm 1996.

Trú tại: Bản HH, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị QTH trình bày:

Chị và anh TVL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 24/01/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, thành phố SL, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2024 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống

của nhau. Chị QTH xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh TVL.

Về con chung: Có một con là TTQ, sinh ngày 14/01/2017. Hiện nay chị đang nuôi con, nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh TVL cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị QTH trình bày về yêu cầu đòi tiền sính lễ cưới của anh TVL như sau:

Theo kê khai của anh TVL lễ cưới gồm: Tiền mua thịt bò là 16.800.000, đồng; Tiền mua thịt lợn là 3.300.000, đồng; Tiền gà là 3.700.000, đồng; Tiền gạo là 1.200.000, đồng; Tiền giò là 3.600.000, đồng; Tiền rau là 750.000, đồng; Tiền rượu là 3.000.000, đồng; Tiền đón dâu là 5.000.000, đồng; Tiền hoa tai, vòng tay là 5.000.000, đồng. Tổng cộng 41.300.000, đồng.

Hoa tai, vòng tay là đồ vật, tài sản do gia đình anh TVL tặng cho chị vào ngày lễ cưới theo phong tục tập quán. Còn số tiền bản thân chị và anh TVL đều không được cầm mà là tiền do hai gia đình (bố mẹ hai bên) thống nhất để chi phí cho bữa cơm liên hoan chi phí lễ cưới, số tiền phong bì mừng gia đình nhà trai giữ, nên chị không nhất trí trả lại như yêu cầu của anh TVL.

Bị đơn anh TVL trình bày:

Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị QTH và anh TVL. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị QTH. Nay chị QTH yêu cầu ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Có một con là TTQ, sinh ngày 14/01/2017. Anh nhất trí để con cho chị QTH nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh TVL yêu cầu chị QTH trả tiền sính lễ cưới gồm:

Tiền mua thịt bò là 16.800.000, đồng;

Tiền mua thịt lợn là 3.300.000, đồng;

Tiền gà là 3.700.000, đồng;

Tiền gạo là 1.200.000, đồng;

Tiền giò là 3.600.000, đồng;

Tiền rau là 750.000, đồng;

Tiền rượu là 3.000.000, đồng;

Tiền đón dâu là 5.000.000, đồng;

Tiền hoa tai, vòng tay là 5.000.000, đồng.

Tổng cộng 41.300.000, đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 43; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 457, 458 của Bộ luật dân sự; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Xử cho chị QTH được ly hôn anh TVL.

Về con chung: Giao cháu TTQ, sinh ngày 14/01/2017 cho chị QTH trực tiếp nuôi dưỡng. Anh TVL không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không chấp nhận yêu cầu của anh TVL về việc yêu cầu chị QTH phải trả lại trị giá tài sản đồ lễ cưới.

Chị QTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh TVL sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bầy nguyện vọng, anh TVL đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng và đã triệu tập xét xử hợp lệ có đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn chị QTH có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị QTH và anh TVL có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị QTH và anh TVL đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị QTH yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị QTH được ly hôn anh TVL.

[3] Về con chung: Có một con là TTQ, sinh ngày 14/01/2017. Hai đương sự nhất trí để cho chị QTH trực tiếp nuôi con, cần chấp nhận giao con TTQ cho chị QTH trực tiếp nuôi dưỡng. Chị QTH không yêu cầu anh TVL phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đối với yêu cầu của anh TVL yêu cầu chị QTH phải trả lại trị giá đồ lễ cưới gồm:

Tiền mua thịt bò là 16.800.000, đồng; Tiền mua thịt lợn là 3.300.000, đồng; Tiền gà là 3.700.000, đồng; Tiền gạo là 1.200.000, đồng; Tiền giò là 3.600.000, đồng; Tiền rau là 750.000, đồng; Tiền rượu là 3.000.000, đồng; Tiền đón dâu là 5.000.000, đồng; Tiền hoa tai, vòng tay là 5.000.000, đồng. Tổng cộng 41.300.000, đồng.

Tại lời khai của chị QTH về nguồn gốc số tiền chi phí lễ cưới, bản thân chị và anh TVL đều không được cầm mà là tiền do hai gia đình (bố mẹ hai bên) thống nhất để chi phí cho bữa cơm liên hoan và chi phí lễ cưới là đúng phong tục tập quán. Về tặng cho chị QTH hoa tai, vòng tay là đồ trang sức là tự nguyện là đúng phong tục tập quán khi về nhà chồng.

Hội đồng xét xử xét: Đối với việc gia đình anh TVL tặng cho chị QTH hoa tai, vòng tay là đồ trang sức là tự nguyện, theo đúng quy định của Điều 457, 458 của Bộ luật dân sự và điều 43 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với số tiền chi phí cho bữa cơm liên hoan cưới là do hai bên tự nguyện thỏa thuận, đã được chi phí và chi phí cho đám cưới là đúng phong tục tập quán, nên yêu cầu đòi lại của anh TVL là không có căn cứ chấp nhận.

Chị QTH đã được giải thích thủ tục miễn án phí, chị không cần miễn án phí. Nên chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 43; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 457, 458 của Bộ luật dân sự; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị QTH được ly hôn anh TVL.

2. Về con chung: Giao cháu TTQ, sinh ngày 14/01/2017 cho chị QTH trực tiếp nuôi dưỡng. Anh TVL không phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh TVL về việc yêu cầu chị QTH phải trả lại trị giá tài sản đồ lễ cưới.

5. Về án phí: Chị QTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001287 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị QTH, anh TVL được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã HL, thành phố SL, tỉnh SL (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.